

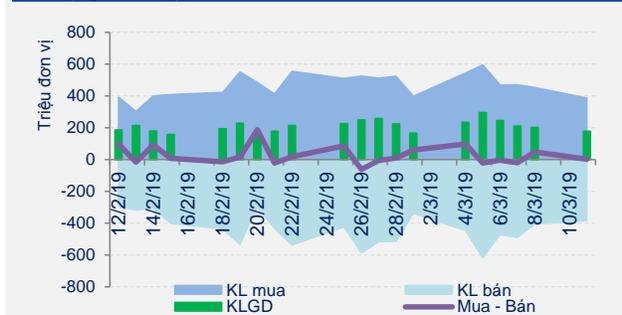
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/3/2019

| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|-------------|------------|
| Index | 984.60 | 108.32 |
| % Thay đổi | ↓ -0.07% | ↑ 0.09% |
| KLGD (CP) | 177,480,784 | 45,030,802 |
| GTGD (tỷ đồng) | 3,595.68 | 507.59 |
| Tổng cung (CP) | 384,833,750 | 77,754,100 |
| Tổng cầu (CP) | 386,050,910 | 71,562,600 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 14,559,690 | 1,984,720 |
| KL mua (CP) | 15,680,820 | 1,271,800 |
| GTmua (tỷ đồng) | 600.70 | 25.53 |
| GT bán (tỷ đồng) | 594.70 | 39.26 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 5.99 | (13.73) |

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -0.11% | 10.5 | 2.0 | 0.8% |
| Công nghiệp | ↓ -0.63% | 15.0 | 3.5 | 20.3% |
| Dầu khí | ↓ -1.09% | 16.5 | 2.3 | 9.4% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -1.06% | 16.7 | 4.3 | 1.6% |
| Dược phẩm và Y tế | ↓ -0.07% | 14.7 | 3.0 | 2.4% |
| Hàng Tiêu dùng | ↓ -0.51% | 19.9 | 6.4 | 15.5% |
| Ngân hàng | ↓ -1.21% | 11.8 | 2.1 | 11.8% |
| Nguyên vật liệu | ↓ -0.20% | 11.1 | 1.9 | 13.0% |
| Tài chính | ↓ -0.78% | 23.7 | 5.2 | 20.5% |
| Tiện ích Cộng đồng | ↓ -1.53% | 14.6 | 3.0 | 4.8% |
| VN - Index | ↓ -0.07% | 16.7 | 4.4 | 119.0% |
| HNX - Index | ↑ 0.09% | 10.2 | 1.6 | -19.0% |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch đầu tuần với những diễn biến khá khó chịu khi các chỉ số chủ yếu chỉ giằng co quanh ngưỡng tham chiếu và kết phiên trái chiều nhau. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 0,65 điểm (-0,07%) xuống 984,60 điểm; HNX-Index tăng 0,1 điểm (+0,09%) lên 108,32 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm và hiện ở dưới mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 4.224 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 224 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 986 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là trung tính với 247 mã tăng, 100 mã tham chiếu, 265 mã giảm. Thị trường giao dịch giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau và chỉ khi gần kết thúc phiên, lực cung gia tăng trong phiên ATC đã khiến cho VN-Index kết phiên trong sắc đỏ. Nhóm cổ phiếu trụ cột có sự phân hóa mạnh với bên tăng điểm là NVL (+4,5%), VRE (+2,3%), VNM (+0,4%), BHN (+4%), VIC (+0,2%), VJC (+0,5%), MWG (+0,9%), VPB (+0,2%), TCB (+0,2%), BVH (+0,2%)... và bên giảm điểm như VHM (-1,6%), GAS (-0,8%), BID (-1%), POW (-2,1%), VCB (-0,3%), CTG (-0,5%), HPG (-0,4%), MSN (-0,2%), MBB (-0,2%), PLX (-0,2%)... khiến VN-Index giằng co mạnh quanh tham chiếu. Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp có một phiên giao dịch rất tích cực với hàng loạt mã tăng mạnh như D2D (+5,9%), SZL (+3,3%), KBC (+2,3%); thậm chí tăng trần như LHG (+6,8%), ITA (+6,8%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường giằng co trong phiên giao dịch đầu tuần với điểm nhấn là việc thanh khoản suy giảm và dưới mức trung bình 20 phiên. Thân nền hôm nay cũng rất nhỏ cho thấy biên độ dao động trong phiên khá thấp và chỉ số chủ yếu chỉ loanh quanh tham chiếu. Hiện tại, VN-Index vẫn đang tiếp tục biến động trong khoảng giá 960-1.000 điểm và đây chỉ là một vùng đi ngang và không rõ xu hướng của thị trường. Thiếu vắng những thông tin hỗ trợ từ tình hình thế giới đủ mạnh khiến cho thị trường chứng khoán Việt Nam chỉ có thể vận động dựa vào nội lực của bản thân và cung cầu của khối ngoại. Khối ngoại bán ròng nhẹ trên 2 sàn nhưng vẫn mua ròng khoảng 46 tỷ đồng chứng chỉ quỹ E1VFN30 có thể coi là một điểm nhấn. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 12/3, xu hướng chủ đạo của VN-Index có thể vẫn là giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 960-1.000 điểm, cần sự bứt phá khỏi vùng này để xu hướng trở nên rõ hơn. Những nhà đầu tư đã canh bán ra trong tuần giao dịch trước chỉ nên quay trở lại mua thêm nếu VN-Index có nhịp test lại hỗ trợ 960 điểm hoặc có sự bứt phá rõ ràng ra khỏi ngưỡng kháng cự 1.000 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/3/2019

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giằng co mạnh trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số tạo mức đỉnh trong phiên tại 987,11 điểm và mức đáy trong phiên tại 981,34 điểm. Lực bán gia tăng trong phiên ATC đã khiến chỉ số kết phiên trong sắc đỏ. Kết phiên, VN-Index giảm 0,65 điểm (-0,07%) xuống 984,60 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM giảm 1.500 đồng, GAS giảm 800 đồng, BID giảm 350 đồng. Ở chiều ngược lại, NVL tăng 2.600 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên sáng tại 108,75 điểm và mức thấp nhất trong phiên chiều tại 107,6 điểm. Lực cầu gia tăng trong phiên ATC giúp chỉ số kết phiên trong sắc xanh. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,1 điểm (+0,09%) lên 108,32 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: VCS tăng 1.200 đồng, ACB tăng 100 đồng, TNG tăng 1.300 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS giảm 400 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 5,99 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,1 triệu cổ phiếu. E1VFN30 là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 46 tỷ đồng tương ứng với 3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VRE với 44,7 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HBC là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 28,3 tỷ đồng tương ứng với 1,4 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 13,72 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 713 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 9,2 tỷ đồng tương ứng với 437 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VGC với 1,4 tỷ đồng tương ứng với 64 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, ITQ là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 150 triệu đồng tương ứng với 40 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Vượt Thái Lan, Việt Nam lọt top 10 các quốc gia đứng đầu trong bảng xếp hạng logistics năm 2019

10 quốc gia đứng đầu bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE), Indonesia, Malaysia, Ả rập Saudi, Mexico, Qatar, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam. Thái Lan xếp sau Việt Nam 1 bậc còn Philippines kém 10 bậc.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm điểm nhẹ trong phiên thứ ba liên tiếp, khối lượng khớp lệnh suy giảm và ở dưới mức trung bình 20 phiên với 143 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 975 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 930 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index tiếp tục vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 955 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 12/3, xu hướng chủ đạo của VN-Index có thể vẫn là giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 960-1.000 điểm, cần sự bứt phá khỏi vùng này để xu hướng trở nên rõ hơn.

HNX-Index:



HNX-Index tăng điểm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần, khối lượng khớp lệnh suy giảm và ở dưới mức trung bình 20 phiên với 37 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 107 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 104,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 107,5 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 12/3, xu hướng chủ đạo của HNX-Index có thể vẫn là giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 108-110 điểm, cần sự bứt phá ra khỏi vùng này để xu hướng trở nên rõ ràng hơn.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 36,58 - 36,66 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), giảm 20.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra.

Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng Ngân hàng Nhà nước (NHNN) sáng nay (11/3) niêm yết tỷ giá trung tâm VND/USD ở mức 22.950 đồng/USD, tăng 4 đồng.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 2,25 USD/ounce tương ứng với 0,17% xuống 1.297,05 USD/ounce.

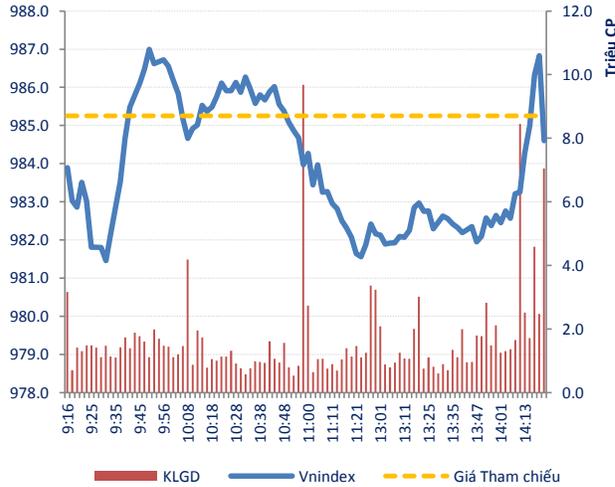
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) tăng 0,039 điểm tương ứng với 0,04% lên 97,308 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1247 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,2969 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 111,19 JPY.

Giá dầu thế giới tăng Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,48 USD/thùng tương ứng với 0,86% lên 56,55 USD/thùng.

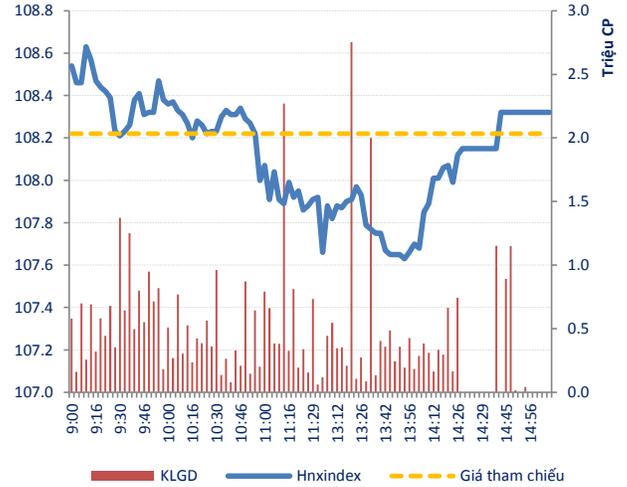
Chứng khoán Mỹ giảm điểm Kết thúc phiên giao dịch ngày 8/3, chỉ số Dow Jones giảm 22,99 điểm tương ứng 0,09% xuống 25.450,24 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 13,32 điểm tương ứng 0,18% xuống 7.408,14 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 5,86 điểm tương ứng 0,21% xuống 2.743,07 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



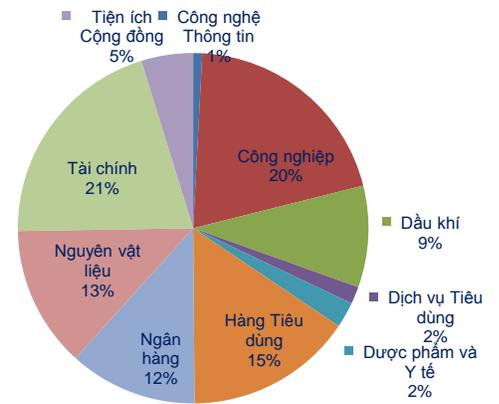
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



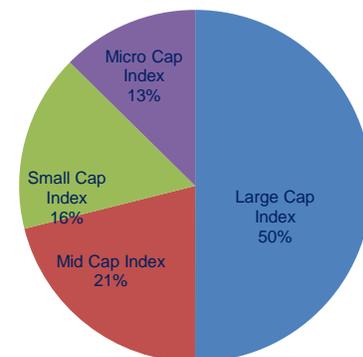
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|---------|-------------|-------|-------------|
| 1 | E1VFN30 | 3,033,970 | HBC | 1,393,840 |
| 2 | VRE | 1,279,150 | POW | 1,310,260 |
| 3 | KBC | 642,410 | HPG | 777,350 |
| 4 | SSI | 551,200 | BID | 476,020 |
| 5 | SBT | 472,120 | STB | 335,900 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | ITQ | 40,000 | PVS | 436,700 |
| 2 | PVX | 15,000 | BCC | 116,200 |
| 3 | SHB | 9,980 | SHS | 74,000 |
| 4 | ART | 6,900 | VGC | 64,100 |
| 5 | APS | 5,600 | DBC | 19,900 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| VSH | 17.30 | 17.45 | ↑ 0.87% | 14,181,590 |
| FLC | 5.45 | 5.46 | ↑ 0.18% | 7,568,740 |
| HSG | 9.25 | 9.65 | ↑ 4.32% | 5,444,980 |
| KBC | 15.05 | 15.40 | ↑ 2.33% | 4,993,740 |
| SCR | 7.54 | 7.59 | ↑ 0.66% | 4,880,760 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| PVS | 21.30 | 20.90 | ↓ -1.88% | 4,601,525 |
| SHB | 7.80 | 7.80 | → 0.00% | 3,875,603 |
| ART | 2.50 | 2.40 | ↓ -4.00% | 3,445,882 |
| NVB | 8.30 | 8.50 | ↑ 2.41% | 3,134,100 |
| VGC | 21.40 | 21.30 | ↓ -0.47% | 2,861,559 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| HDC | 14.30 | 15.30 | 1.00 | ↑ 6.99% |
| SZC | 12.90 | 13.80 | 0.90 | ↑ 6.98% |
| HTL | 16.55 | 17.70 | 1.15 | ↑ 6.95% |
| VID | 5.65 | 6.04 | 0.39 | ↑ 6.90% |
| SII | 16.75 | 17.90 | 1.15 | ↑ 6.87% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| HLY | 20.40 | 22.40 | 2.00 | ↑ 9.80% |
| INC | 6.20 | 6.80 | 0.60 | ↑ 9.68% |
| TST | 7.40 | 8.10 | 0.70 | ↑ 9.46% |
| TMX | 7.70 | 8.40 | 0.70 | ↑ 9.09% |
| VCR | 5.70 | 6.20 | 0.50 | ↑ 8.77% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|--------|----------|
| YEG | 170.60 | 158.70 | -11.90 | ↓ -6.98% |
| DTA | 6.50 | 6.05 | -0.45 | ↓ -6.92% |
| TDW | 32.00 | 29.80 | -2.20 | ↓ -6.88% |
| FDC | 14.55 | 13.55 | -1.00 | ↓ -6.87% |
| DCL | 18.90 | 17.60 | -1.30 | ↓ -6.88% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| PVV | 0.60 | 0.50 | -0.10 | ↓ -16.67% |
| DPS | 0.80 | 0.70 | -0.10 | ↓ -12.50% |
| ACM | 0.80 | 0.70 | -0.10 | ↓ -12.50% |
| NHP | 0.90 | 0.80 | -0.10 | ↓ -11.11% |
| HKB | 0.90 | 0.80 | -0.10 | ↓ -11.11% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| VSH | 14,181,590 | 10.4% | 1,479 | 11.8 | 1.2 |
| FLC | 7,568,740 | 3250.0% | 560 | 9.7 | 0.4 |
| HSG | 5,444,980 | 2.6% | 355 | 27.2 | 0.7 |
| KBC | 4,993,740 | 7.9% | 1,591 | 9.7 | 0.8 |
| SCR | 4,880,760 | 5.9% | 747 | 10.2 | 0.6 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| PVS | 4,601,525 | 8.4% | 2,140 | 9.8 | 0.9 |
| SHB | 3,875,603 | 10.7% | 1,384 | 5.6 | 0.6 |
| ART | 3,445,882 | 7.6% | 851 | 2.8 | 0.2 |
| NVB | 3,134,100 | 1.2% | 132 | 64.5 | 0.8 |
| VGC | 2,861,559 | 8.2% | 1,253 | 17.0 | 1.5 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| HDC | ↑ 7.0% | 13.8% | 2,084 | 7.3 | 1.0 |
| SZC | ↑ 7.0% | 8.6% | 981 | 14.1 | 1.2 |
| HTL | ↑ 6.9% | 2.7% | 460 | 38.5 | 1.1 |
| VID | ↑ 6.9% | 6.5% | 1,090 | 5.5 | 0.4 |
| SII | ↑ 6.9% | 2.8% | 653 | 27.4 | 1.1 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| HLY | ↑ 9.8% | -40.1% | (7,007) | - | 1.7 |
| INC | ↑ 9.7% | 7.8% | 1,041 | 6.5 | 0.5 |
| TST | ↑ 9.5% | 2.6% | 564 | 14.4 | 0.4 |
| TMX | ↑ 9.1% | 17.0% | 2,866 | 2.9 | 0.5 |
| VCR | ↑ 8.8% | -3.8% | (313) | - | 0.8 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-------|-----------|-------|-------|------|-----|
| VFVN3 | 3,033,970 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| VRE | 1,279,150 | 8.8% | 1,033 | 34.4 | 2.9 |
| KBC | 642,410 | 7.9% | 1,591 | 9.7 | 0.8 |
| SSI | 551,200 | 14.7% | 2,613 | 10.9 | 1.6 |
| SBT | 472,120 | 4.6% | 537 | 35.6 | 1.8 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| ITQ | 40,000 | 2.7% | 291 | 13.1 | 0.4 |
| PVX | 15,000 | -8.3% | (477) | - | 1.0 |
| SHB | 9,980 | 10.7% | 1,384 | 5.6 | 0.6 |
| ART | 6,900 | 7.6% | 851 | 2.8 | 0.2 |
| APS | 5,600 | 0.5% | 50 | 63.8 | 0.3 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| VIC | 377,569 | 4.4% | 1,048 | 112.8 | 7.1 |
| VHM | 301,456 | 48.9% | 4,432 | 20.3 | 7.0 |
| VNM | 239,618 | 40.8% | 5,874 | 23.4 | 9.3 |
| VCB | 232,176 | 25.1% | 4,047 | 15.5 | 3.3 |
| GAS | 191,778 | 26.7% | 6,323 | 15.8 | 4.2 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 37,914 | 27.7% | 4,119 | 7.4 | 1.8 |
| VCG | 12,633 | 6.2% | 1,122 | 25.5 | 1.9 |
| VCS | 10,427 | 43.8% | 7,038 | 9.4 | 3.8 |
| PVS | 9,989 | 8.4% | 2,140 | 9.8 | 0.9 |
| VGC | 9,550 | 8.2% | 1,253 | 17.0 | 1.5 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|------|-------|-------|-----|
| DAT | 2.55 | 9.4% | 1,066 | 15.9 | 1.4 |
| HSG | 2.11 | 2.6% | 355 | 27.2 | 0.7 |
| NKG | 2.11 | 1.9% | 315 | 23.4 | 0.5 |
| PVD | 2.08 | 1.4% | 490 | 37.6 | 0.5 |
| HVG | 1.87 | 0.3% | 34 | 189.7 | 0.8 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| DST | 2.43 | 3.5% | 363 | 5.0 | 0.2 |
| PVB | 2.07 | 5.6% | 1,069 | 18.1 | 1.0 |
| PCN | 2.04 | -36.5% | (2,163) | - | 1.7 |
| TNG | 1.96 | 25.4% | 3,663 | 6.6 | 1.5 |
| PVS | 1.96 | 8.4% | 2,140 | 9.8 | 0.9 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 41 Ngô Quyền, P.Hàng Bài,
Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS, Số 236-
238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP
Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
